

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 10
và kế hoạch tháng 11 năm 2019
(Tính đến ngày 15/10/2019)

Sản xuất nông nghiệp tháng 10 tiếp tục có những thuận lợi, khó khăn đan xen, cụ thể: Đại bệnh dịch tả heo Châu Phi xảy ra trên diện rộng với những diễn biến phức tạp khó lường, đang gây thiệt hại nghiêm trọng đến tình hình phát triển ngành chăn nuôi; mưa nắng đan xen làm cho môi trường ao nuôi không ổn định, giảm sức đề kháng của tôm nuôi tạo điều kiện cho bệnh phát sinh; triều cường dâng cao làm sạt lở và chảy tràn cục bộ một số tuyến bờ bao làm ngập một số diện tích hoa màu và cây ăn trái; giá cả đầu ra một số sản phẩm chính như: Tôm sú, tôm thẻ tăng nhẹ, heo hơi bắt đầu tăng mạnh do nguồn cung khan hiếm; giá lúa, dừa khô, gia cầm, cá tra ở mức thấp gây ảnh hưởng đến thu nhập của người sản xuất.

Về xây dựng nông thôn mới và các nhiệm vụ chuyên môn tiếp tục triển khai thực hiện cơ bản đạt theo tiến độ; các chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn tiếp tục triển khai thực hiện góp phần thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn phát triển. Kết quả chung về triển khai thực hiện nhiệm vụ của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tháng 10, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 01 quyết định⁽¹⁾, đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh 02 quyết định⁽²⁾; chuẩn bị trình 02 Nghị quyết của HĐND tỉnh và 01 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh⁽³⁾.

Phối hợp với địa phương tổ chức họp dân lấy ý kiến đồng thuận làm cơ sở hoàn chỉnh 02 đề án: Đề án cải tạo vườn tạp và đề án chuyển đổi đất trồng mía kém hiệu quả sang cây trồng khác và nuôi trồng thủy sản.

Xây dựng Hướng dẫn tái đàn heo trong điều kiện bệnh Dịch tả heo Châu Phi đang xảy ra trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

⁽¹⁾ Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 về phê duyệt chủ trương đầu tư công trình xây dựng kè mềm kết hợp với trồng rừng các đoạn sạt lở ven sông Hậu trên địa bàn xã Kim Sơn, Lư Nghiệp Anh và An Quảng Hữu (huyện Trà Cú).

⁽²⁾ phê duyệt kế hoạch quan trắc môi trường và giám sát dịch bệnh động vật thủy sản năm 2020; phê duyệt chính sách khuyến nông.

⁽³⁾ Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết quy định mức chi cho công tác theo dõi, đánh giá Bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về thiết kế mẫu, thiết kế điển hình công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

2. Về sản xuất:

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

Cây hàng năm: Trong tháng, gieo trồng 33.757 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng 273.556 ha, (đạt 98,44% KH), cao hơn cùng kỳ 1.290 ha, trong đó:

- Cây lúa:

+ Vụ Hè Thu: thu hoạch 5.182 ha, nâng tổng số đến nay thu hoạch dứt điểm 74.705 ha, đạt 100% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,2 tấn/ha, thấp hơn cùng kỳ 0,12 tấn/ha, nguyên nhân do ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới làm giảm khả năng thụ phấn, gây đổ ngã làm giảm năng suất.

+ Vụ Thu Đông: Xuống giống 28.676 ha, nâng tổng số đến nay xuống giống 78.387 ha, vượt kế hoạch 387 ha, cao hơn cùng kỳ 65 ha; thu hoạch 383 ha, năng suất trung bình 5,06 tấn/ha, thấp hơn cùng kỳ 0,15 tấn/ha. Diện tích nhiễm sâu bệnh 1.143 ha, gồm đạo ôn lá 977 ha, tỷ lệ bệnh phổ biến 5-10%, cục bộ có 85 ha tỷ lệ 10 -20%, bạc lá 130 ha, tỷ lệ 10-20%, đốm vằn 30 ha, tỷ lệ 10%, chuột 06 ha, tỷ lệ 10-20%, ngoài ra còn có một số đối tượng gây hại khác với diện tích nhỏ và tỷ lệ thấp. Nhờ thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, tăng cường công tác dự tính, dự báo nên diện tích sâu bệnh gây hại không nhiều, mức độ ảnh hưởng không đáng kể.

- Rau màu và cây ngắn ngày khác: Gieo trồng 5.081 ha, nâng tổng số đến nay 49.644 ha (đạt 89,77% KH) thấp hơn cùng kỳ 330 ha, gồm: Màu lương thực 5.727 ha, màu thực phẩm 30.114 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 13.803 ha. Đã thu hoạch 41.546 ha, năng suất 24,48 tấn/ha, (giảm so cùng kỳ 1,18 tấn/ha), sản lượng 1.017.069 tấn, (giảm so cùng kỳ 141.563 tấn). Nguyên nhân, do diện tích mía đường của 02 huyện Trà Cú và Tiểu Cần giảm mạnh cả về diện tích, năng suất và sản lượng làm ảnh hưởng chung đến diện tích, năng suất, sản lượng rau màu và cây ngắn ngày khác của toàn tỉnh.

- Theo dõi các điểm dự báo sâu bệnh và hệ thống bẫy đèn, thu mẫu rầy di trú gửi phân tích kiểm tra sự hiện diện của virus lùn lúa cỏ và vàng lùn, lùn xoắn lá lúa, hướng dẫn nông dân phòng trị các loại sâu bệnh; tổ chức tập huấn phòng trừ sâu bệnh trên lúa, màu, cây có múi, nhân nuôi ong ký sinh và bọ đuôi kim được 60 cuộc cho 1.556 lượt nông dân các xã của huyện Tiểu Cần, Cầu Kè, Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú; tổ chức 02 chuyên khám bệnh lưu động ở xã Phong Thạnh, Châu Điền huyện Cầu Kè, có 71 nông dân mang bệnh phẩm đến tư vấn; nhân nuôi 6.000 ong ký sinh và 700 bọ đuôi kim, phóng thích 32.000 ong ký sinh phòng trừ bọ cánh cứng hại dứa; tiếp tục vận động nông dân thu gom rác BVTV sau sử dụng bỏ đúng nơi quy định. Nâng tổng số đến nay tổ chức được 101 lớp tập huấn đầu vụ, phòng sâu bệnh trên lúa, hoa màu, cây ăn trái, tập huấn sản xuất rau an toàn và hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV an toàn cho 2.712 lượt nông dân dự; tập huấn, phòng trừ dịch hại tổng hợp trên lúa (IPM); tổ chức 10 chuyên khám bệnh lưu động có 303 nông dân mang bệnh phẩm đến tư vấn; nhân nuôi 263.500 ong ký sinh, 1.750 bọ đuôi kim trong phòng thí nghiệm, phóng thích ra môi trường tự nhiên 122.000 ong ký sinh ra môi trường tự nhiên để không chế bọ cánh cứng hại dứa.

b) Chăn nuôi và thú y:

Trong tháng bệnh dịch tả heo Châu Phi đã phát sinh tại 1.817 hộ ở 156 ấp, khóm của 65 xã, phường, thị trấn thuộc 09 huyện, thị xã, thành phố; đã tiêu hủy 39.417 con heo, tổng trọng lượng tiêu hủy 1.745 tấn. Tính đến ngày 21/10/2019 bệnh dịch tả heo Châu Phi đã phát sinh tại 3.321 hộ ở 489 ấp, khóm của 97 xã, phường, thị trấn thuộc 09 huyện, thị xã, thành phố⁽⁴⁾; đã tiêu hủy 77.170 con heo (chiếm 23,6% tổng đàn theo thời điểm 01/4), tổng trọng lượng tiêu hủy 3.657 tấn; ngành đã phối hợp với địa phương tổ chức xử lý tiêu hủy và tiêu độc khử trùng theo quy định; 01 ổ dịch LMLM 19 con heo; 04 ổ dịch cúm gia cầm 5.350 gia cầm; 02 ổ chó bị bệnh dại. Ngành đã phối hợp với các Sở, ban ngành và địa phương thực hiện các biện pháp dập dịch, xử lý khống chế và thành lập các chốt kiểm soát dịch bệnh trên các tuyến đường giao thông và các bến đò, phà liên tỉnh để kiểm soát vận chuyển heo, gia cầm và các sản phẩm đã qua giết mổ ra, vào vùng dịch và xuất, nhập tỉnh theo đúng quy định; xây dựng bản đồ dịch tễ để xây dựng kế hoạch dập dịch. Đã xử lý khống chế cúm gia cầm, LMLM và dại chó; đến ngày 16/10/2019, có 15 xã, phường, thị trấn⁽⁵⁾ công bố hết bệnh dịch tả heo Châu Phi. Trong đó, có 07 xã, phường, thị trấn sau 30 ngày tái phát dịch⁽⁶⁾.

Bệnh dịch tả heo Châu Phi đã làm thiệt hại 77.170 con heo (chiếm 23,6% tổng đàn theo thời điểm 01/4) lượng heo xuất chuồng giảm cung thiếu cầu nên hiện tại giá heo hơi tăng rất nhanh lên mức 60.000 đồng/kg (tăng 24.000 đồng/kg so với tháng trước) dự kiến giá còn tiếp tục tăng do nguồn cung thiếu, nhưng các hộ chăn nuôi chưa đầu tư tái đàn do dịch bệnh còn diễn biến phức tạp và bệnh đã xâm nhiễm vào cơ sở chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, làm ảnh hưởng đến môi trường và thiệt hại về kinh tế cho người chăn nuôi, gây khó khăn trong công tác phòng, chống dịch. Do ảnh hưởng của dịch tả heo Châu Phi, người nuôi có xu hướng chuyển sang nuôi gia cầm nên đàn gia cầm phát triển mạnh. Bò thịt có giá cao, người chăn nuôi biết áp dụng các biện pháp dự trữ thức ăn từ các phụ phẩm chế biến nông nghiệp (rơm, bắp, thân đậu phộng, bã mía...) kết hợp nguồn cỏ với thức ăn công nghiệp để nuôi bò vỗ béo nên bò phát triển nhanh.

Tiêm phòng Cúm gia cầm 345 ngàn con gia cầm; LMLM gia súc 62 con;

⁽⁴⁾ Gồm: Huyện Hội, Tân Bình, Tân An, An Trường, An Trường A, Mỹ Cẩm, Bình Phú, Phương Thạnh, thị trấn Càng Long, Nhị Long, Đại Phước, Đại Phúc, Đức Mỹ (huyện Càng Long); Mỹ Long Bắc, Hiệp Mỹ Tây, Thạnh Hoà Sơn, Long Sơn, Nhị Trường, Trường Thọ, Kim Hoà, Mỹ Hòa, TT. Mỹ Long, Vinh Kim, Hiệp Mỹ Đông, thị trấn Cầu Ngang, Thuận Hoà, Hiệp Hoà (huyện Cầu Ngang), Phong Thạnh, Phong Phú, Thạnh Phú, Hoà Tân, An Phú Tân, Tam Ngãi, Thông Hoà, Ninh Thới, Hoà Ân, Châu Diên, thị trấn Cầu Kè (huyện Cầu Kè), thị trấn Cầu Quang, Phú Cần, Hiếu Từ, Hiếu Trung, Long Thới, Tân Hoà, Hùng Hoà, Tân Hùng, thị trấn Tiểu Cần, Tập Ngãi, Ngãi Hùng (huyện Tiểu Cần), Hàm Tân, Hàm Giang, Kim Sơn, Tập Sơn, Tân Sơn, Ngọc Biên, An Quảng Hữu, Tân Hiệp, Long Hiệp, Phước Hưng, Định An, Lưu Nghiệp Anh, thị trấn Trà Cú, thị trấn Định An, Đại An, Ngãi Xuyên, Thanh Sơn (huyện Trà Cú), Hoà Lợi, Hoà Thuận, Phước Hào, Thanh Mỹ, Long Hoà, Song Lộc, Đa Lộc, Hưng Mỹ, Hoà Minh, Mỹ Chánh, Lương Hoà, Lương Hoà A, thị trấn Châu Thành (huyện Châu Thành), Đôn Xuân, Đôn Châu, Ngũ Lạc, Đông Hải, Long Khánh, Long Vĩnh (huyện Duyên Hải); Dân Thành, Phường 1, Long Hữu, Phường 2, Trường Long Hoà (thị xã Duyên Hải); Phường 1, Phường 4, Phường 5, Phường 7, Phường 8, phường 9, Long Đức (thành phố Trà Vinh).

⁽⁵⁾ Gồm: Phường 1, phường 2, Dân Thành, Long Hữu (thị xã Duyên Hải); Vinh Kim, thị trấn Mỹ Long, Hiệp Mỹ Đông, Thuận Hoà, Hiệp Hoà, thị trấn Mỹ Long, thị trấn Cầu Ngang (huyện Cầu Ngang); xã Long Khánh, Long Vĩnh (huyện Duyên Hải); Thị trấn Định An, Hàm Tân (huyện Trà Cú).

⁽⁶⁾ Gồm: xã Thuận Hoà, Mỹ Hòa, Hiệp Hoà, thị trấn Mỹ Long (huyện Cầu Ngang), Long Vĩnh (huyện Duyên Hải) và Phường 1, Phường 2 (thị xã Duyên Hải).

Tai xanh heo 200 liều; các bệnh thường xuyên 46.750 liều và các loại vắc xin khác 844 ngàn liều. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh: gia súc 9.939 con; gia cầm 507 ngàn con; sản phẩm động vật 74 tấn. Nâng tổng số đến nay tiêm phòng Cúm 2,76 triệu con gia cầm (*giảm 90.070 con*); LMLM gia súc 63.643 con (*tăng 37.524 con*); Đại chó, mèo 14.259 con (*tăng 365 con*); Tai xanh heo 4.579 liều (*tăng 3.279 liều*); các bệnh thường xuyên 753.440 liều (*giảm 720.367 liều*) và các loại vắc xin khác 5,6 triệu liều (*tăng 1,64 triệu liều*). Sử dụng 23.604 lít hóa chất và 165 tấn vôi bột vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường và phòng chống dịch bệnh với tổng diện tích hơn 37 triệu m² chuồng trại của 656.993 lượt hộ chăn nuôi trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh: gia súc 201.601 con (*giảm 180.648 con*); gia cầm 3,72 triệu con (*tăng 1,02 triệu con*); sản phẩm động vật 785 tấn (*tăng 99 tấn*).

Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn đến tận hộ chăn nuôi về cách nhận biết và phòng, chống bệnh dịch tả heo Châu Phi; vận động hộ chăn nuôi thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học, chủ động tiêm phòng cho đàn vật nuôi. Đối với các xã tái phát sinh dịch trở lại tiếp tục xây dựng Kế hoạch để triển khai thực hiện dập dịch kịp thời, hạn chế sự lây lan của dịch bệnh; xây dựng Kế hoạch tái cấu trúc ngành chăn nuôi theo hướng khuyến khích nuôi đại gia súc (bò, dê,...), gia cầm.

c) Lâm nghiệp:

Trồng mới 15 ha rừng tập trung; tổ chức 89 lượt tuần tra, không phát hiện vi phạm; xác nhận 03 bảng kê xuất bán và cấp 02 giấy phép nuôi động vật hoang dã. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay giao 75 ngàn cây lâm nghiệp phân tán cho các địa phương trồng ven các tuyến đường giao thông nông thôn, đạt 100% kế hoạch, trồng mới 188 ha rừng tập trung, vượt 213,7% kế hoạch; vệ sinh phòng cháy 268,63 ha rừng phòng hộ, vượt 3,72%; chăm sóc 444 ha, khoán bảo vệ 5.452 ha, đạt 100% kế hoạch. Tổ chức 883 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện xử lý 02 trường hợp vi phạm; xác nhận 23 bảng kê xuất bán và cấp 16 giấy phép nuôi động vật hoang dã.

Phối hợp với Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ khảo sát đo đạc lại diện tích rừng và đất lâm nghiệp để xây dựng Phương án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, kết quả đã hoàn thành xong các huyện Châu Thành, Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải (*đã bàn giao cho hộ gia đình và cá nhân*); chuẩn bị nghiệm thu công trình Dự án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang thi công Luồng tàu có trọng tải lớn vào sông Hậu. Tiếp tục hoàn chỉnh Phương án chuyển đổi đất rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất gắn với rà soát Quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trình UBND thông qua HĐND tỉnh phê chuẩn; Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường khảo sát lại diện tích đất Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại, dịch vụ - du lịch Hải Long thuê tại xã Trường Long Hoà, thị xã Duyên Hải.

d) Thủy sản: Sản lượng thu hoạch 16.489 tấn. Nâng tổng số đến nay thu hoạch 178.754 tấn, đạt 82% kế hoạch, tăng 7,01% so với cùng kỳ (*tương đương tăng 11.709 tấn*), cụ thể:

- Thủy sản nuôi: Thả nuôi 291,3 triệu con giống, diện tích 1.246 ha, thu hoạch 9.174 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 6,193 tỷ con giống, diện tích 48.718 ha, thu hoạch 109.118 tấn (gồm: Cá lóc 28.259 tấn, tôm sú 10.738 tấn, tôm thẻ chân trắng 41.227 tấn...), đạt 77,9% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 10.314 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 48,3 triệu con tôm sú, diện tích 217,6 ha; 206 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 596,2 ha; 245 ngàn con cua biển, diện tích 50 ha; thu hoạch 5.286 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 1,61 tỷ con tôm sú, diện tích 19.770 ha; 4,18 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 7.240 ha (*trong đó có 405 ha nuôi thâm canh mật độ cao, tăng 216 ha so cùng kỳ*); 175,2 triệu con cua biển, diện tích 18.750 ha (*nuôi chuyên 1.403 ha*); thu hoạch 59.294 tấn (*cao hơn cùng kỳ 6.314 tấn*). Tuy nhiên, tôm nuôi vẫn còn xảy ra các bệnh như đốm trắng, hoại tử gan tụy và bệnh đường ruột đã làm cho 190 triệu con giống tôm sú chiếm 12% lượng giống thả nuôi (diện tích 1.111 ha) và 803 triệu con giống tôm thẻ chân trắng chiếm 19% lượng giống thả nuôi (diện tích 1.328 ha) bị thiệt hại, tỷ lệ thiệt hại từ 16-18% diện tích thả nuôi.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 36,5 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 367 ha (cá lóc 11,7 triệu con, diện tích 23,6 ha); thu hoạch 3.889 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 270,7 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 2.713 ha (cá lóc 126,6 triệu con, diện tích 267,8 ha); thu hoạch 49.824 tấn, cao hơn cùng kỳ 4.000 tấn.

- Thủy sản khai thác: Toàn tỉnh 1.189 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 145.105 CV, tăng 240 CV (*264 tàu có công suất từ 90CV trở lên*), góp phần đưa sản lượng khai thác đạt 7.284 tấn (856 tấn tôm). Nâng tổng số đến nay đã khai thác 69.636 tấn (10.703 tấn tôm), đạt 89,28% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.394 tấn, trong đó: Khai thác nội đồng 8.477 tấn, khai thác hải sản 61.159 tấn.

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 535 tấn (tôm sú 51 tấn, tôm thẻ 481 tấn), chế biến 440 tấn, tiêu thụ 372 tấn, kim ngạch xuất khẩu 3,1 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 5.602 tấn thủy sản (tôm sú 409 tấn, tôm thẻ 4.193 tấn), chế biến 4.610 tấn, tiêu thụ 2.797 tấn, kim ngạch xuất khẩu 21 triệu USD.

- Kiểm dịch 12,9 triệu con tôm sú giống, 97 triệu con tôm thẻ chân trắng; thu 10 mẫu giáp xác tự nhiên phân tích, kết quả 09 mẫu nhiễm virus gây bệnh đốm trắng. Nâng tổng số đến nay đã kiểm dịch 91,8 triệu con tôm sú giống, 1,2 tỷ con tôm thẻ chân trắng; thu 90 mẫu giáp xác tự nhiên phân tích, kết quả 39 mẫu nhiễm virus gây bệnh đốm trắng. Ngành đã thông báo kết quả đến địa phương và khuyến cáo người dân chủ động lấy nước để hạn chế mầm bệnh lây lan.

3. Phát triển nông thôn

- **Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:** Các địa phương tổ chức lồng ghép tuyên truyền 115 cuộc cho 3.521 lượt người dự; công nhận và tái công nhận 267 hộ, 01 ấp, nâng tổng số từ đầu năm đến nay các địa phương tổ chức lồng ghép tuyên truyền 1.228 cuộc cho 40.695 lượt người dự, công nhận 19.576 hộ, 107 ấp, 06 xã đạt 19/19 tiêu chí. Tính đến nay, công nhận 177.231 hộ

(đạt 79,36% số hộ phát động), 357 ấp (chiếm 52,35% tổng số ấp) và 45 xã đạt 19/19 tiêu chí (chiếm 52,9% tổng số xã), trong đó 42 xã có quyết định công nhận, 05 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, 35 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, không có xã dưới 10 tiêu chí.

Các địa phương triển khai thực hiện đầu tư các công trình xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nguồn vốn phân bổ năm 2019, đến nay đã giải ngân được 150,6 tỷ đồng đạt 51,78% kế hoạch vốn phân bổ.

Tổ chức thành công Hội nghị tổng kết 10 năm Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; trình UBND tỉnh đăng ký tham gia khóa tập huấn chuyên đề xây dựng nông thôn mới tại Hàn Quốc; trình Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh đề xuất khen thưởng cấp Trung ương đối với cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Chuẩn bị kế hoạch rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại các xã thuộc huyện Cầu Ngang, Châu Thành, Trà Cú.

- Chương trình giảm nghèo và ngành nghề nông thôn:

Tiếp và làm việc với Đoàn khảo sát và thu thập thông tin về Chương trình MTQG giảm nghèo; tiếp và làm việc với Trung tâm Tin học và Thống kê thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng phim phóng sự về công tác giảm nghèo tại huyện Tiểu Cần và Cầu Kè; phát hành thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu chi hỗ trợ con giống (bò cái sinh sản) thuộc dự án phát triển sản xuất và đa dạng hóa sinh kế các xã ngoài Chương trình 30^a và Chương trình 135; Hoàn thành các thủ tục ký kết hợp đồng thực hiện dự án đa dạng hóa sinh kế đối với các xã ngoài chương trình 135, chương trình 30^a.

- Chương trình OCOP: Lập kế hoạch đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP; lập hợp đồng thực hiện gói thầu số 02 (xây dựng phóng sự) “Câu chuyện sản phẩm”; hoàn chỉnh tài liệu tập huấn OCOP, chuẩn bị tổ chức tập huấn; tham gia Festival OCOP ở Hội nghị tổng kết 10 năm xây dựng nông thôn mới toàn quốc tại tỉnh Nam Định.

- Chương trình bố trí dân cư: Tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT danh mục các dự án chương trình Bố trí dân cư xin vốn Trung ương năm 2019-2020 (02 dự án chuyển tiếp và 06 dự án khởi công mới); báo cáo UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT về tình hình sạt lở tại các xã Định An, Lưu Nghiệp Anh, Kim Sơn, An Quãng Hữu (huyện Trà Cú).

- Kinh tế hợp tác:

Phối hợp dự án SME khảo sát hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu tập thể cho 03 HTX (HTX Long Hiệp, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú; HTX quýt đường Thuận Phú, xã Bình Phú, huyện Càng Long; HTX Tân Hòa, xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần), Sở Khoa học và Công nghệ đã hỗ trợ các HTX hoàn chỉnh các thủ tục để được hỗ trợ theo quy định; triển khai Hướng dẫn Liên ngành số 153/HD-SNN-KHĐT về thực hiện Dự án hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, đồng thời đăng ký danh mục công trình cơ sở hạ tầng cho các HTX thực hiện mô hình thí điểm 2019- 2020; dự thảo Quyết định phê

duyet dự án hỗ trợ liên kết cho 03 HTX trên địa bàn huyện Cầu Kè liên kết tiêu thụ lúa hàng hóa; chuẩn bị nội dung in kỹ yếu HTX kiểu mới.

Về xây dựng HTX nông nghiệp kiểu mới: Có 5/13 HTX tham gia thí điểm được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND; các HTX tăng từ 01 – 03 tiêu chí theo quy định và lộ trình kế hoạch, cụ thể có 02 HTX đạt 7/8 tiêu chí, 09 HTX đạt 6/8 tiêu chí, 02 HTX đạt 5/8 tiêu chí. Hỗ trợ tăng cường 166 cán bộ có trình độ Đại học, Cao đẳng phù hợp về hỗ trợ cho 94 HTX nông nghiệp và phi nông nghiệp.

- **Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:** Trong tháng, lắp đặt 747 đồng hồ nước, nâng tổng số lắp đặt mới cho 121.881 hộ; đang triển khai thi công nâng cấp, mở rộng 10 trạm cấp nước sinh hoạt nông thôn đạt 75% khối lượng; tiếp tục khai thác, quản lý và vận hành tốt các trạm cấp nước hiện có; Dự án Xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn đã mở rộng 65.062 m ống đạt 98,7% khối lượng cho các xã An Trường A (huyện Càng Long), Long Thới và Hiếu Tử (huyện Tiểu Cần), Châu Điền (huyện Cầu Kè); tiếp tục thực hiện các bước để thanh lý tài sản 42 trạm cấp nước không còn sử dụng được theo Quyết định 1287/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh để thực hiện Kế hoạch chuyển đổi Trung tâm Nước sạch và VSMTNT thành Công ty cổ phần.

4. Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện 26 dự án (13 dự án chuyển tiếp và 13 dự án khởi công mới), gồm: 04 công trình phục vụ nuôi, khai thác thủy sản; 07 công trình đê, kè; 15 công trình dân dụng, giải ngân 44,1 tỷ đồng, lũy kế đến nay đã giải ngân 278,6 tỷ đồng, đạt 42,58% kế hoạch.

5. Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai:

Công trình sửa chữa các cầu trên tuyến đê biển đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng; duy tu, bảo dưỡng đoạn đê Mỹ Long; công trình Khắc phục sụp lún kè bảo vệ đoạn xung yếu 750m bờ biển ấp Cồn Trúng, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải; công trình Khắc phục sạt lở khẩn cấp đoạn đê hữu sông Cổ Chiên, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành đã có báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.

Tham gia: Khảo sát các điểm sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; khảo sát, xử lý sạt lở Đường huyện 51 tại Km05 +860 (Khu vực thượng lưu cống Ba Lộ) thuộc ấp Trà Diêu, xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; nghiệm thu kỹ thuật công trình sạt lở bờ kè phía đông cống Cồn Chông.

Tổ chức 20 đợt kiểm tra đê điều, phát hiện 02 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 221 đợt kiểm tra đê điều, phát hiện 33 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành giáo dục và xử lý theo quy định.

Tình hình thiệt hại do triều cường: Triều cường gây sạt lở 495m bờ bao (Tiểu Cần 5m, Cầu Kè 240m, Càng Long 250m) chảy tràn gây ngập cục bộ làm thiệt hại 368 ha hoa màu và cây ăn trái (Tiểu Cần 25 ha, Cầu Kè 343 ha), sụp lún 24m² Kè Hiệp Thạnh (thị xã Duyên Hải). Địa phương đã huy động lực lượng, gia cố, xử lý.

6. Công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý tàu cá và quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP)

Quản lý chất lượng vệ sinh ATTP: Kiểm tra, đánh giá 15 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm và thủy sản, kết quả có 11 cơ sở loại A, 04 cơ sở loại B; cấp mới 11 giấy chứng nhận và 05 giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho 18 người; thu 64 mẫu phân tích các chỉ tiêu về ATTP (13 mẫu nông sản, 51 mẫu thủy sản), kết quả có 02 mẫu không đạt, đã tiến hành xử lý theo quy định. Nâng tổng số đến nay kiểm tra, đánh giá 97 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm và thủy sản, kết quả có 42 cơ sở loại A, 55 cơ sở loại B; cấp mới 107 giấy chứng nhận và 51 giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho 223 người; thu 575 mẫu phân tích các chỉ tiêu về ATTP (219 mẫu nông sản, 356 mẫu thủy sản), kết quả có 14 mẫu không đạt, đã tiến hành xử lý theo quy định.

Quản lý tàu cá, cảng cá: Kiểm tra an toàn kỹ thuật 22 tàu cá, đăng ký 03 tàu, xoá 01 tàu, cấp 14 sổ danh bạ (62 thuyền viên), cấp 47 giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận 158 tấn nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu. Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 968 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.147 tấn hàng hoá; cho thuê mặt bằng và thu phí xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản với số tiền 176,3 triệu đồng; cấp phát và hướng dẫn ghi nhật ký khai thác thủy sản cho 42 tàu cá. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 411 tàu cá, cải hoán 14 tàu, đăng ký 55 tàu, xoá 13 tàu, cấp 124 sổ danh bạ (610 thuyền viên), cấp 362 giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận 2.472 tấn nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu. Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 13.277 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 14.414 tấn hàng hoá; cho thuê mặt bằng và thu phí xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản với số tiền 1,225 tỷ đồng; cấp phát và hướng dẫn ghi nhật ký khai thác thủy sản cho 227 tàu cá.

Thanh tra, kiểm tra: Tổ chức 18 đợt thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi đối với 137 cơ sở, phương tiện vận chuyển giống thủy sản, gia súc, thu 29 mẫu phân bón, thức ăn chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm phân tích, kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 22 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay tổ chức 92 đợt thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi đối với 774 cơ sở, phương tiện vận chuyển giống thủy sản, gia súc, thu 339 mẫu phân bón, thức ăn chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm phân tích, kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 163 trường hợp vi phạm.

7. Công tác khuyến nông và công tác giống

a) Công tác khuyến nông:

Tổ chức 08 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; tư vấn trực tiếp cho 679 lượt hộ; tổ chức 04 cuộc hội thảo, tọa đàm, kết hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình thực hiện 05 bản tin thời sự. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 296 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; hướng dẫn, hỗ trợ 4.894 lượt nông dân ứng dụng tưới nước tiết kiệm cho cây trồng cạn; tư vấn trực tiếp cho 9.677 lượt hộ; 10 cuộc hội thảo, tọa đàm đánh giá hiệu quả nhân

rộng các mô hình có 505 lượt người dự, cấp phát 150 cuốn sổ tay khuyến nông và 12.000 tờ tài liệu bướm; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện 08 cuộc phát sóng trực tiếp, 14 bản tin thời sự. Qua đó, thông tin, tuyên truyền cho người dân các tiến bộ kỹ thuật mới, các mô hình sản xuất đạt hiệu quả cần nhân rộng đến đông đảo người dân; triển khai thực hiện 15 mô hình trình diễn (06 mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp và 09 mô hình thuộc các nguồn vốn kết hợp).

Tiếp tục triển khai thực hiện và quản lý 02 dự án thuộc Chương trình “Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2025”: (1) Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao: Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật cho 28 hộ nhận nuôi 80 con bò sinh sản; đào tạo 06 kỹ thuật viên, tập huấn cho 100 lượt nông dân và cấp giống hạt cỏ cho các hộ tham gia mô hình, đến nay bò phát triển tốt, đã có 78 con bò giống mang thai (đạt 100%), 13 con đã sinh bê; (2) Dự án Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao tại Trà Vinh: Tổ chức 04 lớp tập huấn kỹ thuật cho các hộ tham gia mô hình, qui mô 20 ha tại huyện Cầu Kè và Châu Thành, đã xuống giống được 11,2 ha hiện cây được 3 tháng tuổi đang phát triển tốt, diện tích còn lại 8,8 ha đã thu tiền đổi ứng của dân.

b) Công tác giống:

Giống cây trồng: Thu hoạch 05 ha lúa giống cấp nguyên chủng, hiện đang xử lý sau thu hoạch; tiếp tục chăm sóc các mô hình khảo nghiệm giống bơ sáp, gấc, xoài, chanh; cung ứng 1.887 cây giống các loại và 6,3 tấn lúa giống. Nâng tổng số đến nay cung ứng 9.296 cây giống các loại và 106,53 tấn lúa giống (31,16 tấn giống cấp nguyên chủng).

Giống thủy sản: Tổ chức 03 đợt sản xuất giống tôm càng xanh toàn đực, mua 04 con tôm sú bố mẹ, đang ương 2,8 triệu ấu trùng tôm sú; xuất bán 24.500 con cá tra giống; 428 ngàn con post tôm càng xanh toàn đực; điều tiết 300 ngàn con post tôm thẻ chân trắng. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay đã xuất bán 6,79 triệu post tôm sú, 210 ngàn con cá lóc, 191 ngàn con cá tra giống, 4,29 triệu con tôm càng xanh toàn đực; điều tiết 30 ngàn con cua biển giống và 12,27 triệu con tôm thẻ chân trắng.

Giống vật nuôi: Tiếp tục chăm sóc đàn dê bố mẹ, dê con và đàn gà đang sinh sản, đã cung ứng 394 con gà. Nâng tổng số đến nay cung ứng 2.167 con.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

Trong tháng tiếp tục triển khai thực hiện tốt một nhiệm vụ của ngành theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; thời tiết thuận lợi cho ngư dân bám biển nên sản lượng khai thác đạt cao hơn cùng kỳ; công tác tư vấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, phổ biến các mô hình có hiệu quả được tiếp tục được tăng cường thực hiện; diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh mật độ cao góp phần đưa tổng sản lượng cao hơn cùng kỳ 11.700 tấn; diện tích lúa Thu Đông xuống giống tập

trung, đồng loạt và cơ bản dứt điểm theo khung lịch thời vụ; công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới ngày càng sâu rộng; các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng và đầu tư phát triển sản xuất tiếp tục thực hiện tạo điều kiện để người dân phát triển sản xuất và cải thiện đời sống dân sinh; các phòng, đơn vị chuyên môn của Sở tập trung thực hiện các nhiệm vụ còn lại của năm 2019 cơ bản đạt tiến độ đề ra.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bệnh dịch tả heo Châu Phi chưa được khống chế nên khó có thể tái đàn trong thời điểm hiện nay, sẽ làm giảm mạnh tổng đàn heo và nguồn cung cấp thực phẩm chuẩn bị Tết nguyên đán; năng suất lúa Hè Thu thấp hơn cùng kỳ do ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới làm giảm khả năng thụ phấn, gây đổ ngã làm giảm năng suất; giá bán cá tra thấp hơn giá thành làm cho người nuôi lỗ nặng; giá mía nguyên liệu giảm kéo theo diện tích giảm mạnh; do mưa nhiều và giá một số loại rau màu không ổn định nên diện tích trồng màu giảm; triều cường làm sạt lở và chảy tràn một số đoạn bờ bao, gây ngập úng cục bộ, thiệt hại một số diện tích hoa màu và cây ăn trái của người dân; công tác phòng, chống dịch bệnh ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức, hộ nuôi chưa có ý thức cao trong công tác phòng chống dịch bệnh; chưa kịp thời khai báo dịch bệnh; một số hộ nuôi thủy sản chưa thực hiện đúng quy trình cải tạo ao, xử lý lắng lọc nước trước khi lấy vào và thả nước ra môi trường tự nhiên. Về công tác chuyên môn vẫn còn một số đơn vị trực thuộc Sở thực hiện công việc được giao chưa theo đúng tiến độ, chất lượng chưa đạt yêu cầu, công tác phối kết hợp để tham mưu chưa tốt.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 11

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 03 quyết định và thông qua dự thảo 02 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; nhanh chóng hoàn chỉnh 02 đề án (cải tạo vườn tạp và chuyển đổi đất mía kém hiệu quả) và soạn thảo chính sách để triển khai 02 đề án.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

a) Trồng trọt:

Tăng cường công tác dự tính, dự báo sâu bệnh, đồng thời hướng dẫn nông dân chăm sóc tốt diện tích lúa Thu Đông, Mùa hạn chế tối đa sâu bệnh gây hại làm giảm năng suất; Hướng dẫn nông dân làm đất sau khi thu hoạch vụ Thu đông để chuẩn bị xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2019-2020 theo lịch thời vụ khuyến cáo. Triển khai kế hoạch trồng màu vụ Đông Xuân, đặc biệt là các loại cây màu phục vụ Tết nguyên đán 2020; tiếp tục vận động nông dân chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang cây trồng khác theo Kế hoạch số 35/KH-UBND của UBND tỉnh; tiếp tục tập huấn hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh gây hại, áp dụng biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM), sản xuất theo hướng an toàn; đồng thời, tăng cường công tác quản lý nhà nước về giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.

b) Chăn nuôi: Tăng cường công tác chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là kiểm soát và khống chế dịch tả heo Châu Phi, để có kế hoạch tái đàn; theo

đổi các địa phương đã qua 30 không phát sinh dịch mới để công bố hết dịch; đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phòng, chống các loại dịch bệnh nguy hiểm khác đặc biệt là cúm gia cầm trong thời điểm giao mùa; củng cố và kiểm tra kiểm soát vận chuyển, giết mổ động vật, mua bán động vật, sản phẩm động vật; duy trì hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành và Đội ứng phó nhanh kiểm tra việc mua bán, vận chuyển gia súc, gia cầm, kiểm tra tại các chốt kiểm dịch; xây dựng kế hoạch kiểm tra, quản lý việc vận chuyển mua bán con giống đặc biệt là heo con trên địa bàn tỉnh. Thực hiện việc bình tuyển heo, bò đực giống; quản lý các cơ sở chăn nuôi heo, bò đực giống và dịch vụ gieo tinh nhân tạo nhằm đảm bảo cung cấp con giống chất lượng; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh; .

c) Lâm nghiệp: Tiếp tục phối hợp xây dựng Phương án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; trình thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây dựng kè mềm kết hợp trồng rừng các đoạn sạt lở ven sông Hậu (huyện Trà Cú); nhanh chóng hoàn chỉnh phương án chuyển đổi rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất để trình UBND tỉnh thông qua HĐND tỉnh vào kỳ họp cuối năm.

d) Thủy sản: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản; hướng dẫn các quy trình kỹ thuật và triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND, Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định 05/2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hướng dẫn số 104/HD-SNN của Sở Nông nghiệp và PTNT; tiếp tục quan trắc cảnh báo môi trường nước, thu mẫu giáp xác phân tích mầm bệnh để khuyến cáo kịp thời cho người nuôi; thu mẫu tôm để phân tích một số bệnh đang xảy ra trong mùa nghịch để hướng dẫn người nuôi thực hiện một số biện pháp để hạn chế bệnh lây lan ra diện rộng; hướng dẫn người nuôi cắt vụ cải tạo ao hồ chuẩn bị tốt cho vụ nuôi năm 2020; cấp giấy phép, thống kê nghề khai thác thủy sản, tuyên truyền hỗ trợ ngư dân thành lập mới các tổ đội sản xuất trên biển; triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề và chính khuyến khích, hỗ trợ khai thác hải sản.

3. Phát triển nông thôn

- **Xây dựng nông thôn mới:** Phối hợp Sở, ngành, UBND cấp huyện kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí NTM; khảo sát, đánh giá, xác nhận tiêu chí nông thôn mới các xã đăng ký, phấn đấu đạt chuẩn năm 2019, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận xã nông thôn mới; hỗ trợ huyện Cầu Kè lập thủ tục đề nghị trung ương công nhận huyện nông thôn mới.

- **Bổ trí dân cư:** Thanh toán công nợ phải thu, phải trả theo quyết định phê duyệt quyết toán hạng mục hoàn thành; đôn đốc các địa phương nhắc nhở các hộ thuộc các khu vực sạt lở dân khẩn trương xây dựng nhà ở trong khu tái định cư để ổn định cuộc sống.

- **Chương trình OCOP:** Phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình quay phóng sự “Câu chuyện sản phẩm”; tổ chức 02 lớp tập huấn Chương trình mỗi xã

một sản phẩm OCOP, đối tượng là chủ cơ sở, doanh nghiệp, HTX, THT. Phối hợp tổ chức đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP, tổng hợp các sản phẩm, chấm điểm sản phẩm trình UBND tỉnh công nhận.

- **Ngành nghề nông thôn:** Lập hồ sơ lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án hỗ trợ máy móc, trang thiết bị và dây chuyền sản xuất ngành nghề nông thôn cho các làng nghề, THT, HTX,... năm 2019; triển khai thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn các xã ngoài chương trình 30a và chương trình 135; phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Long Hiệp, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Trà Cú triển khai thực hiện Dự án không còn nạn đói.

- **Kinh tế hợp tác:** Tổ chức 01 lớp tuyên truyền về Liên hiệp HTX và 01 lớp tập huấn xây dựng dự án liên kết theo chuỗi giá trị; hội thảo đánh giá kết quả xây dựng mô hình HTX kiểu mới; xây dựng kỹ yếu và quay phóng sự về kết quả xây dựng mô hình HTX kiểu mới; hoàn thành thủ tục và triển khai mời thầu để xây dựng dự án thực hiện 04 mô hình liên kết đối với các HTX tham gia thí điểm HTX kiểu mới; kết hợp tổ chức đánh giá hiệu quả hạt động của các HTX và HTX kiểu mới; hỗ trợ địa phương hoàn thành hồ sơ, thủ tục tiến hành Hội nghị phát triển mới các HTX; tiếp tục phối hợp với dự án SME hỗ trợ 03 HTX (HTX Long Hiệp, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú; HTX quýt đường Thuận Phú, xã Bình Phú, huyện Càng Long; HTX Tân Hòa, xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần) xây dựng nhãn hiệu và website quảng bá sản phẩm.

- **Nước sạch và VSMTNT:** Duy trì hoạt động cấp nước tại 116 trạm, lắp đặt thêm 800 hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh; phối hợp chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước máy; rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, đề xuất mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân; thực hiện hoàn thành Dự án Xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn năm 2019; hoàn thành thanh lý tài sản (42 trạm cấp nước cũ) theo Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh. Đẩy nhanh tiến độ thi công 10 trạm cấp nước tập trung sớm bàn giao đưa vào sử dụng.

4. Công tác chuyên ngành

Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật: Tổ chức 10 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục phân công cán bộ tư vấn trực tiếp kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản cho nông hộ; tiếp tục theo dõi các mô hình khuyến nông đang thực hiện, tổ chức tổng kết đánh giá hiệu quả làm cơ sở nhân rộng; theo dõi tiến độ thực hiện Dự án chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng. Kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện các phóng sự, chuyên mục, tọa đàm, các tin thời sự về khuyến nông.

Tổ chức cung ứng và điều tiết giống lúa, giống thủy sản, các loại cây trồng, vệ sinh ao, bể chuẩn bị sản xuất giống các loại thủy sản cung ứng cho vụ nuôi năm 2020; tìm đối tác liên kết sản xuất các đối tượng như tôm sú, tôm càng xanh toàn đực.

Tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; kiểm tra, đánh giá, phân

loại cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản theo Nghị định số 15/2018 ND-CP; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình thông tin cảnh báo kết quả phân tích, kiểm nghiệm dư lượng chất độc hại trong sản phẩm để nhắc nhở cơ sở sản xuất, kinh doanh và cảnh báo cho người tiêu dùng. Thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch ngẫu nhiên, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông, thủy sản.

Tổ chức 04 cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, an toàn thực phẩm, thức ăn thủy sản và thuốc thú y dùng trong nuôi trồng thủy sản và kinh doanh vật tư nông nghiệp.

Tăng cường công tác quản lý vật tư nông nghiệp nhằm hạn chế tình trạng hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng lưu thông trên địa bàn tỉnh. Quản lý việc chấp hành quy định của Pháp luật trong quảng cáo, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thú y thủy sản và giống cây trồng.

Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương triển khai các biện pháp phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Thường xuyên kiểm tra đê điều, tham mưu xử lý kịp thời trong mùa mưa bão; theo dõi, đo mực nước trong nội đồng, vận hành công ngăn triều cường, tiêu úng đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất lúa Hè Thu. Công trình duy tu, bảo dưỡng đoạn đê Mỹ Long, công trình khắc phục sạt lở bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển ấp Cồn Trúng, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải và công trình Khắc phục sạt lở khẩn cấp đoạn đê hữu sông Cổ Chiên, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.

Trên đây là kết quả hoạt động tháng 10 và kế hoạch tháng 11/2019 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các phòng, đơn vị trực thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị, địa phương mình, tổ chức quán triệt trong nội bộ và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện để đạt kết quả cao nhất./.

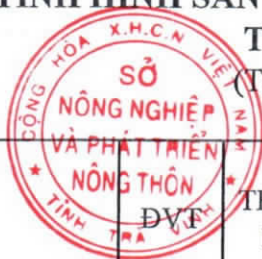
Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD và các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế TX, TP;
- Lưu: VP.

K. GIÁM ĐỐC *Mình*
PHÒNG GIÁM ĐỐC
SỞ
NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN
Trần Văn Dũng
TỈNH TRÀ VINH

THỐNG KÊ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN THÁNG 10 NĂM 2019

(Tính đến ngày 15/10/2019)



STT	Chi tiêu	Đơn vị	TH cùng kỳ 10/2018	KH vụ/năm 2019	Ước tháng 10 năm 2019	UTH 10 tháng năm 2019	% so sánh với	
							UTH 2019/ TH 2018	UTH 2019/KH 2019
A	B	C	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	272.197	277.900	33.757	273.556	100,5%	98,4%
	Cây lương thực có hạt	Ha	225.768	227.600	29.159	227.299	100,7%	99,9%
1.1	Cây lúa	Ha						
	- Diện tích gieo sạ	Ha	222.293	222.600	28.676	223.912	100,7%	100,6%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	144.031	222.600	5.565	145.909	101,3%	65,5%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	59,49	55,93	51,44	58,57	98,5%	104,7%
	- Sản lượng	Tấn	856.777	1.244.900	28.631	854.520	99,7%	68,6%
	Trong đó:							
	Vụ mùa 2018-2019							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	1.697	1.600		2.235	131,7%	139,7%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1.697	1.600		2.235	131,7%	139,7%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	43,33	45,00		44,52	102,8%	98,9%
	- Sản lượng	tấn	7.353	7.200		9.952	135,3%	138,2%
	Vụ Đông Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	66.418	66.000		68.585	103,3%	103,9%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	66.418	66.000		68.585	103,3%	103,9%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	67,10	66,00		66,19	98,6%	100,3%
	- Sản lượng	tấn	445.658	435.600		453.938	101,9%	104,2%
	Vụ Hè Thu							
	- DT gieo sạ	Ha	75.856	77.000		74.705	98,5%	97,0%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	75.856	77.000	5.182	74.705	98,5%	97,0%
	- Năng suất	Tạ/ha	53,19	52,00	51,51	52,03	97,8%	100,1%
	- Sản lượng	tấn	403.455	400.400	26.693	388.693	96,3%	97,1%
	Vụ Thu Đông							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	78.322	78.000	28.676	78.387	100,1%	100,5%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	60	78.000	383	383	638,3%	0,5%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	52,00	51,50	50,60	50,60	97,3%	98,3%
	- Sản lượng	tấn	312	401.700	1.938	1.938	621,1%	0,5%
1.2	Cây màu							
1.2.1	DT gieo trồng	Ha	49.904	55.300	5.081	49.644	99,5%	89,8%
	DT thu hoạch	Ha	44.414	55.300	1.853	41.546	93,5%	75,1%
	Sản lượng	Tấn	1.158.632	1.480.063	44.476	1.017.069	87,8%	68,7%
	Màu lương thực							
	DT gieo trồng	Ha	5.843	7.900	678	5.727	98,0%	72,5%
	DT thu hoạch	Ha	5.259	7.900	130	4.662	88,6%	59,0%
	Sản lượng	Tấn	48.484	69.403	1.682	46.415	95,7%	66,9%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3.475	5.000	483	3.387	97,5%	67,7%

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ 10/2018	KH vụ/năm 2019	Ước tháng 10 năm 2019	UTH 10 tháng năm 2019	% so sánh với	
							UTH 2019/ TH 2018	UTH 2019/KH 2019
	- Diện tích thu hoạch	"	3.230	5.000	39	2.803	86,8%	56,1%
	- Năng suất	Tạ/ha	54,8	54,00	50,1	54,44	99,3%	100,8%
	- Sản lượng	Tấn	17.700	27.000	196	15.260	86,2%	56,5%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.165	1.350	104	1.163	99,8%	86,1%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.000	1.350	35	932	93,2%	69,0%
	+ Năng suất	Tạ/ha	172,0	166,50	183,9	173,6	100,9%	104,3%
	+ Sản lượng	Tấn	17.200	22.478	644	16.180	94,1%	72,0%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	737	900	67	725	98,4%	80,6%
	+ Diện tích thu hoạch	"	645	900	41	577	89,5%	64,1%
	+ Năng suất	Tạ/ha	160,0	160,00	145,6	164,2	102,6%	102,6%
	+ Sản lượng	Tấn	10.320	14.400	597	9.232	89,5%	64,1%
1.2.2	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	466	650	24	452	97,0%	69,5%
	+ Diện tích thu hoạch	"	384	650	15	350	91,1%	53,8%
1.2.3	Cây thực phẩm							
	<i>DT gieo trồng</i>	Ha	<i>29.002</i>	<i>31.500</i>	<i>3.595</i>	<i>30.114</i>	<i>103,8%</i>	<i>95,6%</i>
	<i>DT thu hoạch</i>	Ha	<i>26.648</i>	<i>31.500</i>	<i>1.433</i>	<i>26.199</i>	<i>98,3%</i>	<i>83,2%</i>
	<i>Sản lượng</i>	Tấn	<i>555.321</i>	<i>713.910</i>	<i>31.475</i>	<i>576.836</i>	<i>103,9%</i>	<i>80,8%</i>
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	28.489	31.000	3.580	29.585	103,8%	95,4%
	+ Diện tích thu hoạch	"	26.150	31.000	1.427	25.723	98,4%	83,0%
	+ Năng suất	Tạ/ha	212,0	230,00	220,5	223,9	105,6%	97,3%
	+ Sản lượng	Tấn	554.380	713.000	31.465	575.938	103,9%	80,8%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	513	500	15	529	103,1%	105,8%
	+ Diện tích thu hoạch	"	498	500	6	476	95,6%	95,2%
	+ Năng suất	Tạ/ha	18,9	17,33	16,2	18,86	99,8%	108,8%
	+ Sản lượng	Tấn	941	910	10	898	95,4%	98,7%
1.2.4	Cây công nghiệp hàng năm							
	<i>DT gieo trồng</i>	Ha	<i>15.059</i>	<i>15.900</i>	<i>808</i>	<i>13.803</i>	<i>91,7%</i>	<i>86,8%</i>
	<i>DT thu hoạch</i>	Ha	<i>12.507</i>	<i>15.900</i>	<i>290</i>	<i>10.685</i>	<i>85,4%</i>	<i>67,2%</i>
	<i>Sản lượng</i>	Tấn	<i>554.826</i>	<i>696.750</i>	<i>11.319</i>	<i>393.818</i>	<i>71,0%</i>	<i>56,5%</i>
	Đậu phộng							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.324	5.100	140	4.387	101,5%	86,0%
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.190	5.100	34	3.913	93,4%	76,7%
	+ Năng suất	Tạ/ha	52,50	51,29	53,11	53,89	102,6%	105,1%
	+ Sản lượng	Tấn	21.998	26.160	181	21.087	95,9%	80,6%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	4.515	4.500	14	2.843	63,0%	63,2%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.780	4.500	86	2.372	62,8%	52,7%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.005,7	1.050,0	941,2	953	94,8%	90,8%
	+ Sản lượng	Tấn	380.155	472.500	8.094	226.052	59,5%	47,8%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.242	2.700	208	2.286	102,0%	84,7%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.640	2.700	135	1.647	100,4%	61,0%
	+ Năng suất	Tạ/ha	111,3	115,00	105,2	10,71	9,6%	9,3%

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ 10/2018	KH vụ/năm 2019	Ước tháng 10 năm 2019	UTH 10 tháng năm 2019	% so sánh với	
							UTH 2019/ TH 2018	UTH 2019/KH 2019
	+ Sản lượng	Tấn	18.253	31.050	1.420	18.941	103,8%	61,0%
	<i>Cây trồng khác</i>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.978	3.600	446	4.287	107,8%	119,1%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.897	3.600	35	2.753	95,0%	76,5%
	+ Sản lượng	Tấn	183.438	223.200	2.223	173.439	94,5%	77,7%
D	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	39,9	60	173,27	188	471,9%	313,8%
	- Chăm sóc rừng	Ha	713	444	570,63	571	80,0%	128,5%
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	5.160	5.452	5.452	5.452	105,7%	100,0%
	- Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây	78	75	75	75	96,2%	100,0%
	- Vệ sinh PCCC rừng	Ha	259	259	268,63	268,63	103,7%	103,7%
E	THỦY SẢN							
1	Tổng diện tích nuôi	Ha	54.753	53.200	1.246	48.718	89,0%	91,6%
1.1	Nuôi nước ngọt	"	3.574	3.500	367	2.713	75,9%	77,5%
	- Diện tích nuôi cá	"	1.905	2.000	334	1.870	98,1%	93,5%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	62	40	0	42	68,3%	105,6%
	+ Cá lóc	"	236	270	24	268	113,6%	99,2%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	1.668	1.500	33	843	50,5%	56,2%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.668	1.500	33	843	50,5%	56,2%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	51.179	49.700	879	46.005	89,9%	92,6%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	50.317	48.700	864	45.760	90,9%	94,0%
	Trong đó: + Tôm sú	"	24.804	21.700	218	19.770	79,7%	91,1%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	7.513	8.500	596	7.241	96,4%	85,2%
	+ Cua biển	"	18.000	18.500	50	18.750	104,2%	101,4%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết)	"	862	1.000	15	245	28,4%	24,5%
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	167.045	218.000	16.459	178.754	107,0%	82,0%
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	98.804	140.000	9.174	109.118	110,4%	77,9%
2.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	45.824	76.500	3.889	49.824	108,7%	65,1%
	- Sản lượng cá	"	44.450	75.000	3.737	48.239	108,5%	64,3%
	Trong đó: Cá tra	"	6.756	20.000	109	7.369	109,1%	36,8%
	Cá lóc	"	24.188	35.000	2.352	28.259	116,8%	80,7%
	- Sản lượng tôm càng xanh	"	1.374	1.500	152	1.585	115,4%	105,7%
2.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	52.980	63.500	5.286	59.294	111,9%	93,4%
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	51.866	58.500	4.713	57.201	110,3%	97,8%
	Trong đó: + Tôm sú	"	10.797	12.000	1.322	10.738	99,5%	89,5%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	35.056	39.000	3.051	41.227	117,6%	105,7%
	+ Nuôi cua biển	"	6.013	7.500	340	5.236	87,1%	69,8%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	1.114	5.000	573	2.093	187,9%	41,9%
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	68.242	78.000	7.284	69.636	102,0%	89,3%
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	58.333	68.000	6.371	61.159	104,8%	89,9%
	Trong đó: - Cá các loại	Tấn	24.256	29.000	2.503	26.761	110,3%	92,3%
	- Tôm các loại	Tấn	6.934	9.000	798	9.121	131,5%	101,3%
	- Thủy sản khác	"	27.143	30.000	3.070	25.278	93,1%	84,3%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	9.909	10.000	913	8.477	85,5%	84,8%
	Trong đó: - Cá các loại	"	4.755	5.000	500	4.405	92,6%	88,1%
	- Tôm các loại	"	2.859	3.000	58	1.583	55,4%	52,8%

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ 10/2018	KH vụ/năm 2019	Ước tháng 10 năm 2019	UTH 10 tháng năm 2019	% so sánh với	
							UTH 2019/ TH 2018	UTH 2019/KH 2019
	- Thủy sản khác	"	2.296	2.000	355	2.489	108,4%	124,4%
	* Tình hình thiệt hại tôm sú							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	22.091		319	21.374		
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1.650		130	2.690		
	- Diện tích thả nuôi	Ha	24.804		218	19.770		
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	651		62	1.111		
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.620		48	1.616		
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	138		16	190		
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	9			12		
	* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	18.322		1.791	18.095		
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	3.616		339	3.914		
	- Diện tích thả nuôi	Ha	7.513		1.183	7.241		
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	1.268		128	1.328		
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	4.652		550	4.184		
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	759		93	803		
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	16			19		